





**QUY CHẾ**  
**Công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGD & ĐT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/QĐ-TMN, ngày 16 tháng 8 năm 2024  
của Hiệu trưởng trường mầm non Cẩm Đoài)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

- Quy chế này quy định việc thực hiện công khai của Trường mầm non Cẩm Đoài.
- Quy chế này áp dụng đối trường mầm non Cẩm Đoài.
- Trường hợp có các quy định riêng, quy định cụ thể của từng bộ phận thì áp dụng các quy định riêng, quy định cụ thể cho từng bộ phận.

**Điều 2. Mục đích của công khai**

- Minh bạch các thông tin có liên quan của cơ sở giáo dục để nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động, người học, gia đình người học và xã hội biết, tham gia giám sát hoạt động của cơ sở giáo dục.
- Tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục.

**Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai**

- Việc thực hiện công khai bảo đảm đúng các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật liên quan.
- Thông tin công khai bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời, dễ tiếp cận.

**Chương II**

**NỘI DUNG CÔNG KHAI CỦA NHÀ TRƯỜNG**

**Mục 1. CÔNG KHAI CHUNG**

**Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục**

- Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).
- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).
- Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.



5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

### **Điều 5. Thu, chi tài chính**

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển



đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

## **Mục 2. CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON**

### **Điều 6. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục mầm non**

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp;

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

2. Thông tin về cơ sở vật chất:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.



4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp;

b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục;

c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

### **Điều 7. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non**

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội;

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em;

đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có).

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép);

b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có);

c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày;

d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú;

đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ;

e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi;

g) Số trẻ em khuyết tật.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng trẻ em đang học (chia theo số lượng trẻ em là người Việt Nam và số lượng trẻ em là người nước ngoài).

### **Điều 8. Cách thức công khai**

1. Công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:



Cơ sở giáo dục (trừ cơ sở giáo dục mầm non, trường, lớp dành cho người khuyết tật chưa có cổng thông tin điện tử), thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục, bao gồm:

a) Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do cơ sở giáo dục thực hiện được quy định tại Chương II của Thông tư này tính đến tháng 6 hằng năm;

b) Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại các phụ lục kèm theo Thông tư này:

- Phụ lục I: Mẫu báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non;

## **2. Phổ biến hoặc phát tài liệu về nội dung công khai vào đầu năm học mới:**

Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục mầm non thực hiện phổ biến các nội dung công khai tại cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu về nội dung công khai cho cha mẹ trẻ em vào tháng đầu tiên của năm học mới.

## **3. Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.**

### **Điều 9. Thời gian công khai**

#### **1. Thời điểm công khai của nhà trường như sau:**

a) Công bố công khai các nội dung theo quy định tại điểm a, khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 14 của Thông tư 09/2024 này trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức;

Thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử các thông tin: kế hoạch giáo dục tháng, trước ngày 25 của tháng trước; kế hoạch giáo dục tuần, ngày và dự kiến thực đơn hàng ngày/tuần của trẻ em trước ngày thứ Bảy của tuần trước.

b) Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo quy định tại điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 14 của Thông tư 09 trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai.

3. Ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1, 2 của thông tư 09, nhà trường phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.





### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 10. Trách nhiệm của Hiệu trưởng**

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học đảm bảo đúng thời gian quy định.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

a) Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh xem xét.

c) Đưa lên trang thông tin điện tử của trường.

### **Chương IV**

## **TRÁCH NHIỆM THI HÀNH**

**Điều 11.** Hiệu trưởng có trách nhiệm phổ biến Quy chế công khai này đến công chức, viên chức, giáo viên, nhân viên trong đơn vị để thực hiện.

**Điều 12.** Quy chế này có 4 chương 12 điều; Phó hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn, bí thư chi đoàn, các tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng tổ Văn phòng có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện Quy chế công khai của trường cho Hiệu trưởng.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì đề nghị Hiệu trưởng xem xét sửa đổi. Quy chế sửa đổi có hiệu lực thi hành khi có quyết định thay thế./.



UBND HUYỆN CẨM GIÀNG  
TRƯỜNG MẦM NON CẨM ĐOÀI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07 /BC-TMN

Cẩm Đoài, ngày 16 tháng 9 năm 2024

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN PHỤ LỤC I

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### I. THÔNG TIN CHUNG<sup>2</sup>

1. Tên cơ sở giáo dục : **TRƯỜNG MẦM NON CẨM ĐOÀI**

2. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Quảng Cư , xã Cẩm Đoài, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ Email: [mamnoncamdoai@gmail.com](mailto:mamnoncamdoai@gmail.com); Fanpage, Facebook: Trường mầm non Cẩm Đoài; Website: [mncamdoai.camgiang.edu.vn](http://mncamdoai.camgiang.edu.vn).

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường hoạt động theo quy chế tổ chức của trường Công lập.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

#### 4.1. Sứ mệnh

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân; Để các con trở thành những người ham học, biết cách học và biết cư xử phải phép.

Tạo dựng một đội ngũ giáo viên đạo đức, nhân ái, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ với phương châm "Cháu vui vẻ - Cô hạnh phúc".

#### 4.2. Tầm nhìn

Được thành lập vào tháng 9 năm 1978, sau hơn 46 năm hoạt động, trường mầm non Cẩm Đoài không ngừng cải tiến để mang đến một nền giáo dục phong phú nhằm phát huy tối đa khả năng vốn có của mỗi trẻ. Với phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, chú trọng rèn luyện kỹ năng. Và trên hết, trường mầm non Cẩm Đoài luôn chú trọng để tạo nên một môi trường giáo dục Xanh - An toàn - Thân thiện - Hạnh



phúc, tôn trọng sự khác biệt và tổ chất riêng của từng trẻ, từ đó định hình tính cách và định hướng cho trẻ phát triển trong tương lai.

Nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ. Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

#### **Giá trị cốt lõi:**

Quan tâm - Chia sẻ - Yêu thương

Thân thiện - Hợp tác - Trách nhiệm

Tôn trọng - Trung thực - Nhân ái

Tự tin - Năng động - Sáng tạo

Biết khát vọng - Có Bản lĩnh - Khả năng Hội nhập.

#### **4.3. Mục tiêu**

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ; hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp Một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

#### **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.**

Trường mầm non Cẩm Đoài được thành lập từ tháng 9/1978, tại thôn Ha Xá, tổng số có 02 nhóm, lớp. Đội ngũ giáo viên có 02 Đ/c, cán bộ quản lý có 01, giáo viên có 01. Tháng 01 năm 1979 trường được mở thêm 02 nhóm, lớp ở các thôn Kim Xá, Quảng Cư, Hoà Bình. Tổng số nhóm, lớp là 04, đội ngũ giáo viên có 06 Đ/c, trong đó có 01 cán bộ quản lý và 05 giáo viên. Tháng 05 năm 1980 trường mở thêm 01 nhóm lớp, tổng số nhóm, lớp trong trường tại thời điểm là 05, nằm trên 04 điểm trường, đội ngũ giáo viên có 08 Đ/c. Cán bộ quản lý có 01 và có 07 giáo viên. Tháng 05 năm 1995 trường có 09 nhóm lớp, nằm trên 04 điểm trường, đội ngũ giáo viên có 14 Đ/c, trong đó có 03 cán bộ quản và 11 giáo viên. Tháng 10/2006 được sự quan tâm của Đảng Ủy, UBND xã, trường mầm non Cẩm Đoài đã được tập trung vào 01 điểm trường đặt tại vị trí Thôn Quảng Cư, xã Cẩm Đoài là một trường nhỏ nằm ở phía đông nam của huyện Cẩm Giàng. Phía đông giáp phường Tứ Minh Thành phố Hải Dương. Phía tây giáp xã Cẩm Đông. Phía nam giáp xã Liên Hồng, xã thống nhất và xã Trùng Khánh Huyện Gia Lộc, được ngăn cách bởi con sông Kim Sơn. Phía bắc



giáp Thị Trấn Lai Cách. Trường nằm ở khu trung tâm của xã, tổng số nhóm lớp là 09 với tổng diện tích 4.993 m<sup>2</sup>. Chi bộ nhà trường được thành lập với 07 Đảng viên, đội ngũ cán bộ giáo viên là 14 trong đó có 03 cán bộ quản lý và 11 giáo viên. Đoàn thanh niên cũng được thành lập với 11 đ/c đoàn viên. Tháng 3 năm 2007 trường mầm non Cẩm Đoài được công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ I, đội ngũ cán bộ giáo viên có 19 đ/c. Trong đó có 03 cán bộ quản lý, 14 giáo viên, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên bảo vệ. Tổ chức công đoàn được thành lập tổng số có 18 cán bộ đoàn viên. Năm học 2011 - 2012 nhà trường đã chuẩn bị tốt về mọi mặt để đón đoàn kiểm tra của Sở giáo dục và được công nhận chuẩn quốc gia sau 5 năm và năm học 2016 - 2017 nhà trường lại tiếp tục được công nhận chuẩn quốc gia sau 10 năm và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 năm 2015. Trường đã làm tốt công tác phổ cập giáo dục cho trẻ em năm tuổi, năm học 2011 - 2012 đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng bằng khen đơn vị suất sắc trong công tác phổ cập cho trẻ em năm tuổi.

Năm 2012 - 2013 chuyển đổi trường Mầm non bán công Cẩm Đoài sang công lập theo quyết định số 3054/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012 của UBND huyện Cẩm Giàng.

Năm học 2019 - 2020 nhà trường lại tiếp tục được công nhận nâng chuẩn từ mức độ 1 lên mức độ 2 và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 năm 2020.

Đến nay, nhà trường có 13 nhóm lớp, trong đó 10 lớp mẫu giáo, 03 nhóm trẻ với 350 học sinh, với 33 cán bộ giáo viên, nhân viên. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp trong những năm qua đạt 98 % trẻ Mẫu giáo ra lớp.

Nhà trường luôn quan tâm đến chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Vì vậy, hàng năm tỷ lệ trẻ phát triển bình thường về chiều cao, cân nặng đạt từ 98 - 99%. Kết quả giáo dục được đánh giá theo 5 lĩnh vực đạt trên 98%. 100% trẻ 5 tuổi đủ điều kiện vào lớp 1.

Về công tác phổ cập giáo dục, đơn vị đã hoàn thành, đạt chuẩn đúng kế hoạch. Năm 2012, đạt chuẩn quốc gia về Phổ cập giáo dục mầm non trẻ năm tuổi. Từ đó đến nay, nhà trường luôn cùng cố và tiếp tục giữ vững đạt chuẩn về Phổ cập giáo dục Mầm non.

Về cán bộ, giáo viên: Nhà trường có tổng số CBGVNV: 32 đ/c. Trong đó CBQL: 3 đ/c, GV: 23 đ/c, KT: 1 đ/c, , Cô nuôi: 3 đ/c, BV: 1 nhân viên; 01 nhân viên quét dọn vệ sinh.

100% CBQLGV, NV đều có tư cách đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, trách nhiệm, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Trong đó biên chế là 27 cán bộ giáo viên, nhân viên, Đạt tỷ lệ 100%; 5 nhân viên hợp đồng (3 cô nuôi, 1 bảo vệ, 1 vệ sinh); 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên biên chế đều trình độ trên chuẩn. 03 cô nuôi có chứng chỉ bồi dưỡng kỹ thuật chế biến món ăn. 02 nhân viên (bảo vệ, dọn vệ sinh) chưa có chuyên môn.



Trong phong trào thi đua “*Xây dựng trường mầm non an toàn, thân thiện; Có đổi mới sáng tạo; Trẻ tích cực hoạt động*”; “*Mỗi giáo viên giúp đỡ một đồng nghiệp tiến bộ*”...Hàng năm giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 01 giáo viên, giáo viên dạy giỏi cấp huyện đạt 02 giáo viên. Qua các đợt thanh tra, kiểm tra của Phòng GD&ĐT, GV đều được đánh giá, xếp loại chuyên môn nghiệp vụ đạt khá, tốt.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh chỉ đạo trực tiếp của Phòng GD&ĐT huyện Cẩm Giàng, sự quan tâm của lãnh đạo các cấp, các ngành, sự đồng thuận của phụ huynh học sinh và nhân dân xã nhà trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo, với truyền thống đoàn kết, tâm huyết với nghề, ý trí phấn đấu của đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên trong trường. Trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Nhà trường liên tục đạt tập thể Lao động Tiên tiến. Năm học 2023-2024 trường được Chủ tịch UBND huyện tặng khen. Tổ chức Công đoàn, Chi đoàn thanh niên luôn được xếp loại hoàn thành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Chi bộ liên tục đạt “Trong sạch vững mạnh”, hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Với các yêu cầu cầu đổi mới giáo dục hiện nay, nhà trường luôn xác định; sự nghiệp đổi mới của đất nước với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì giáo dục giữ một vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài góp phần vào việc xây dựng nền kinh tế tri thức và GDMN chính là nền tảng đầu tiên của một xã hội phát triển trong tương lai. Chính vì vậy, nhà trường sẽ giữ vững những thành tích đạt được trong những năm qua và tiếp tục phấn đấu để đạt được các thành quả tốt về mọi mặt. Phấn đấu Trường Mầm non Cẩm Đoài duy trì kết quả đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 vào năm 2025.

## **6. Thông tin người đại diện pháp luật**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ TUYẾT

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường mầm non Cẩm Đoài

Số điện thoại: 0385.044.150

Địa chỉ thư điện tử: tuyetlanghd@gmail.com.

## **7. Tổ chức bộ máy:**

Nhà trường đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non bao gồm: Hội đồng trường, BGH (1 HT, 02 HP); Hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỷ luật; Tổ chức Đảng; Tổ chức công đoàn, tổ chức đoàn thanh niên, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, lớp, học sinh. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều xây dựng được kế hoạch hoạt động cho từng năm học cụ thể. Trường tập trung tại 01 điểm trường với diện tích và tổng số nhóm, lớp đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Việc phân chia nhóm, lớp các độ tuổi đảm bảo đúng



quy định. Nhà trường luôn thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như quy định của ngành và địa phương. Hoạt động quản lý của nhà trường được duy trì chặt chẽ và toàn diện từ công tác quản lý chuyên môn đến công tác quản lý tài sản, tài chính, an ninh trật tự. Hoạt động lễ hội của trường được tổ chức thường xuyên và hiệu quả.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN<sup>3</sup>

- Tổng số cán bộ quản lý - giáo viên, nhân viên là 32 đồng chí.
- + CBQL: 03 đồng chí; 3/3 đồng chí có trình độ ĐH, và trung cấp chính trị.
- + Giáo viên: 23 đồng. Trình độ chuyên môn 23/25 đồng chí có trình độ đại học. trong đó có 19/25 đồng chí là đảng viên. Có 5 đồng chí có trình độ lý luận chính trị là trung cấp.
- + Nhân viên: 01 đồng chí (Kế toán). Có trình độ Đại học, là đảng viên.
- + Nhân viên nuôi dưỡng: 03 cô nuôi.
- + Nhân viên bảo vệ: 01 người.
- + Nhân viên quét dọn vệ sinh: 01 người.
- Nhà trường thực hiện tốt việc đánh giá xếp loại CBGVNV
- + Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên được xếp loại viên chức là 26/27 đồng chí (đồng chí Vũ Ngọc Anh chưa đủ điều kiện đánh giá), đạt tỷ lệ 96,3%; Trong đó: Giáo viên, nhân viên đánh giá xếp viên chức HTXS NV là 03/23 đồng chí, đạt tỷ lệ 13%; Xếp loại HTTNV 18/23 đồng chí, đạt tỷ lệ 78,3%; Xếp loại HTNV 02/23 đồng chí, chiếm tỷ lệ 8,7%. Riêng 3 đồng chí CBQL được cấp trên đánh giá xếp loại viên chức: HTTNV.
- + Tổng số giáo viên tự đánh giá chuẩn nghề nghiệp: 23/23 đồng chí đạt tỷ lệ 100%; trong đó xếp loại tốt 9/23 đồng chí, đạt tỷ lệ 39,1%; Còn lại 14/23 đồng chí xếp loại khá, đạt tỷ lệ 60,9 %.
- Sáng kiến kinh nghiệm: Có 05 SKKN được XL cấp cơ sở (Tuyết HT, Hương PHT, Lan, Trang B, Liên).
- Thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua:
  - + 100% CBGVNV thực hiện có hiệu quả Chi thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh “ Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” trong nhà trường giai đoạn 2019- 2025.



+ 100% CBGVNV thực hiện có hiệu quả Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2019 - 2025” trong nhà trường.

+ Không có cán bộ giáo viên nào vi phạm phẩm chất đạo đức nhà giáo, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước.

- Duy trì 100% cán bộ giáo viên nhân viên được hưởng chế độ chính sách đầy đủ, kịp thời, triển khai kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục mầm non, các chỉ thị, thông tư, quyết định của cấp trên theo quy định.

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT<sup>4</sup>

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Tổng số phòng</b>	13	Số m <sup>2</sup> /trẻ em
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>	13	-
1	Phòng học kiên cố	13	1,5m <sup>2</sup> /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	0	1,5m <sup>2</sup> /trẻ em
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	1	-
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>	7286 m <sup>2</sup>	20,8m <sup>2</sup> /trẻ em
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>	3731m <sup>2</sup>	10,7m <sup>2</sup> /trẻ em
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )	975m <sup>2</sup>	2,8m <sup>2</sup> /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m <sup>2</sup> )		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )	208m <sup>2</sup>	0,6m <sup>2</sup> /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m <sup>2</sup> )	820m <sup>2</sup>	2,42m <sup>2</sup> /trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m <sup>2</sup> )	75 m <sup>2</sup>	0,2m <sup>2</sup> /trẻ em



6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m <sup>2</sup> )	75m <sup>2</sup>	0,2m <sup>2</sup> /trẻ em			
7	Diện tích nhà bếp và kho (m <sup>2</sup> )	114m <sup>2</sup>	0,3m <sup>2</sup> /trẻ em			
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>	3	Số bộ/nhóm (lớp)			
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	13	13 bộ/13 nhóm, lớp			
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định					
<b>VIII</b>	<b>Tổng số đồ chơi ngoài trời</b>	3	1 bộ/1 khu			
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)</b>		1 máy chiếu ; 14 máy vi tính; 12 máy in			
<b>X</b>	<b>Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)</b>		Số thiết bị/nhóm (lớp)			
1	Bàn, ghế	200 bộ	2 cháu/bộ			
2	Ti vi	14 chiếc				
3	Đàn organ	02 chiếc				
		Số lượng(m <sup>2</sup> )				
<b>XI</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	03		208 m <sup>2</sup>		0,6m <sup>2</sup> /trẻ em
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
					Có	Không



XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..	....		

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC<sup>5</sup>

Nhà trường được công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc Gia Mức độ II theo Quyết định số 1513 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 368/QĐ-SGD & ĐT, ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương Quyết định về công nhận trường học đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

Năm học 2024 - 2025, tiếp tục chỉ đạo cải tiến chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, lưu trữ hồ sơ, xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng rà soát các chỉ số, tiêu chí theo chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ giáo dục ban hành nhằm thực hiện quy trình và đúng tiến độ đánh giá chất lượng giáo dục, hiệu quả.

#### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC<sup>6</sup>

##### 1. Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ

- 100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ trong thời gian ở trường.

##### 2. Nâng cao chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và đảm bảo an toàn.

- Huy động 342/342 trẻ ăn bán trú, đạt tỷ lệ 100%.

- Tổ chức tốt cân đo và theo dõi biểu đồ tăng trưởng. Kết quả:

Số trẻ SDDTNC là 01/343 chiếm tỷ lệ 0,3% ; Số trẻ thấp còi (-2) là 3/343 chiếm tỷ lệ 0,9%. Số trẻ SDD thể gầy còm là 1/343 chiếm tỷ lệ 0,3%. Số trẻ thừa cân béo phì 2/343 cháu, chiếm tỷ lệ 0,6%.

- Nhà trường phối hợp Phòng khám Quốc tế Hà nội tổ chức khám sức khỏe lần 2 cho trẻ. Tổng số trẻ được khám là 343/343 đạt tỷ lệ 100%. Số trẻ mắc bệnh hệ



tuần hoàn: 03/343 chiếm 0,9%; Số trẻ mắc bệnh răng, hàm mặt: 152/343 chiếm 44%; Số trẻ mắc bệnh tai mũi họng: 02/343 chiếm 0,6%;

### **3. Đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN**

- 100% các nhóm lớp thực hiện tốt chủ đề "Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm" gắn với việc thực hiện Chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025". tổ chức chuyên đề "Tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ" tại trường theo hướng lấy trẻ làm trung tâm.

- 100% nhóm lớp thực hiện chương trình GDMN theo quan điểm giáo dục "lấy trẻ làm trung tâm" phát triển chương trình nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của trường, nhóm lớp, khả năng nhu cầu của trẻ, năng lực của giáo viên; tổ chức tốt hoạt động vui chơi, trải nghiệm khám phá như: Tổ chức sinh nhật theo tháng/quý, tại nhóm, lớp; Ngày hội đến trường của bé; Bé vui tết trung thu; Cháu yêu chú bộ đội chào mừng 22/12; Tổ chức chương trình "Tôi yêu Việt Nam"; Trải nghiệm Gói bánh chưng xanh; Tiệc Buffet dịp 8/3; Vui tết thiếu nhi 1-6.

-100% lớp mẫu giáo có lồng ghép chương trình steam vào chương trình CSGD trẻ phù hợp, tham gia Chương trình "Tôi yêu Việt Nam" tích hợp giáo dục kỹ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong quản lý và giảng dạy.

- 100% trẻ được theo dõi đánh giá hàng ngày và cuối chủ đề; tỷ lệ 75% trẻ đạt yêu cầu về 5 lĩnh vực phát triển.

Tiêu chuẩn	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Riêng 5 tuổi
Bé chăm	91%	90%	90%
Bé ngoan	88,4%	87,7%	86,1%
Bé toàn diện	82,8%	83%	82,9%

#### **\*/ Kết quả các danh hiệu thi đua năm học 2023 - 2024**

- Tập thể: Tập thể lao động tiên tiến

- Cá nhân:

+ Danh hiệu LĐTT: 21 người

+ Danh hiệu CSTĐCS: 03 người (Tuyết HT, Lan, Trang B)

+ Giấy khen của chủ tịch UBND huyện: 03 người( Tuyết HT, Lan, Liên).

### **VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM	DỰ TOÁN ĐÃ SỬ DỤNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
----	----------	-----------------	---



UBND HUYỆN CẨM GIANG  
TRƯỜNG MẦM NON CẨM ĐOÀI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/KH-TMN

Cẩm Đoài, ngày 16 tháng 8 năm 2024

## KẾ HOẠCH

Thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT  
Năm học 2024 - 2025

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ ban hành về thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 05 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập.

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ GD&ĐT Thông tư Ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường mầm non Cẩm Đoài xây dựng Kế hoạch thực hiện quy định về công khai các hoạt động của đơn vị như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích:

- Nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục đồng thời để cán bộ, giáo viên, người lao động, người học, gia đình và xã hội biết và tham gia giám sát các hoạt động của nhà trường.

- Tăng cường trách nhiệm giải trình của đơn vị. Điều chỉnh kịp thời các thiếu sót trong công tác quản lý, điều hành của cán bộ quản lý, các tổ chức đoàn thể, giáo viên trong đơn vị.

#### 2. Yêu cầu:

Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, cách thức và thời điểm theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT BGDĐT.

### II. NỘI DUNG CÔNG KHAI



## 1. Thông tin chung về đơn vị

- Tên đơn vị
- Địa chỉ trụ sở chính và các điểm trường, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, trang thông tin điện tử của nhà trường.
- Loại hình của đơn vị, cơ quan quản lý trực tiếp.

## 2 - Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của đơn vị.

- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của đơn vị.
- Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Tổ chức bộ máy:

- + Quyết định thành lập, sáp nhập của đơn vị;
- + Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;
- + Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đơn vị;
- + Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị; sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị;
- + Quyết định thành lập, sáp nhập;
- + Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị;

Các văn bản khác của đơn vị: Chiến lược phát triển của đơn vị; quy chế dân chủ ở cơ sở của đơn vị; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của đơn vị và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

## 2. Thu, chi tài chính

- Tình hình tài chính của đơn vị trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

+ Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

+ Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng



viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

- Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học của đơn vị trước khi tuyển sinh.

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và 3 miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

- Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

### **3. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục mầm non**

#### **3.1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:**

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp;

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

#### **3.2. Thông tin về cơ sở vật chất:**

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

#### **3.3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:**

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả



thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

3.4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

- a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp;
- b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục;
- c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

#### **4. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non**

4.1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:

- a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;
- b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;
- c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội;
- d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em;
- đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có).

4.2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

- a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép);
- b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có);
- c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày;
- d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú;
- đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ;
- e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi;
- g) Số trẻ em khuyết tật.

4.3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng trẻ em đang học (chia theo số lượng trẻ em là người Việt Nam và số lượng trẻ em là người nước ngoài).

### **III. CÁCH THỨC VÀ THỜI GIAN CÔNG KHAI**



## 1. Cách thức công khai

### 1.1. Công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

Thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục, bao gồm:

a) Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do nhà trường thực hiện được quy định tại Chương II của Thông tư này tính đến tháng 6 hằng năm;

b) Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động nhà trường tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại các phụ lục kèm theo Thông tư này:

- Phụ lục I: Mẫu báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên;

c) Việc bố trí nội dung công khai được quy định tại điểm a, b của Điều này trên cổng thông tin điện tử do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thuận lợi cho việc truy cập, tiếp cận thông tin.

1.2. Phổ biến hoặc phát tài liệu về nội dung công khai vào đầu khóa học, năm học mới:

Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục mầm non thường xuyên thực hiện phổ biến các nội dung công khai tại cuộc họp cha mẹ trẻ em, học sinh hoặc phát tài liệu về nội dung công khai cho cha mẹ trẻ em, học sinh vào tháng đầu tiên của năm học mới;

1.3. Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

## 2. Thời gian công khai

1. Thời điểm công khai của các nhà trường như sau:

a) Công bố công khai các nội dung theo quy định tại điểm a, khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 14 của Thông tư này trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức;

Đối với giáo dục mầm non, phải thực hiện công khai thêm trên cổng thông tin điện tử hoặc niêm yết tại cơ sở giáo dục (đối với cơ sở giáo dục chưa có cổng thông tin điện tử) các thông tin: kế hoạch giáo dục tháng, trước ngày 25 của tháng trước; kế hoạch giáo dục tuần, ngày và dự kiến thực đơn hàng ngày/tuần của trẻ em trước ngày thứ Bảy của tuần trước; đối với giáo dục phổ thông phải thực hiện công khai thêm trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục về dự kiến thực đơn hàng ngày/tuần của học sinh (nếu có) trước ngày thứ Bảy của tuần trước.



b) Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo quy định tại điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 14 của Thông tư này trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai. Thời gian niêm yết công khai (đối với cơ sở giáo dục mầm non; trường, lớp dành cho người khuyết tật chưa có cổng thông tin điện tử tối thiểu là 90 ngày và sau khi niêm yết phải lưu giữ tài liệu công khai để bảo đảm cho việc tiếp cận thông tin tối thiểu là 05 năm kể từ ngày niêm yết).

3. Ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1, 2 của Điều này, các cơ sở giáo dục phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Ban giám hiệu

- Xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện các nội dung, cách thức và thời gian công khai quy định theo.

- Ban hành quy chế cụ thể về công khai các hoạt động của đơn vị.

- Tổ chức thực hiện, tổng kết, đánh giá công tác công khai theo quy định.

- Báo cáo về công tác công khai khi có yêu cầu bằng văn bản của Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

### 2. Công đoàn Đề nghị

Ban chấp hành Công đoàn phối hợp với nhà trường tuyên truyền quán triệt và triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung công khai theo kế hoạch.

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung công khai theo kế hoạch đảm bảo theo quy định. Báo cáo kịp thời về nhà trường kết quả thực hiện các nội dung đã thực hiện.

## VI. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

### 1. Đồng chí: Nguyễn Thị Tuyết - HT

Xây dựng kế hoạch, quy chế thực hiện theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ GD&ĐT Thông tư Ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Chịu trách nhiệm báo cáo mục I,II tại phụ lục 1.

2. Đồng chí Vũ Thị Hương- Phó hiệu trưởng: chịu trách nhiệm báo cáo mục V, VII tại phụ lục 1.

3. Đồng chí Nguyễn Thị Nguyệt- Phó hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm báo cáo mục III, IV tại phụ lục 1.



4. Đồng chí Nguyễn Thị Vân- Kế toán: Chịu trách nhiệm báo cáo mục VI tại phụ lục 1.

Các bộ phận, cá nhân thực hiện nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện quy định công khai năm học 2024-2025 của Trường Mầm non Cẩm Đoài./.

**Nơi nhận:**

- Theo phân công (để thực hiện);
- Lưu: VP.

  
Nguyễn Thị Tuyết